

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 26-4-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Phương A, sinh năm 1983 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: 284/29/4 đường 26/3, phường B H H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Nguyên H, sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp P L, xã P B, thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương A trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường B H H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà riêng của chị tại khu phố A B, phường A T, cuối tuần vợ chồng về nhà mẹ ruột của anh H tại ấp P L, xã P B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh H đi buôn bán ở Bình Dương, mỗi tuần về nhà được một đến hai ngày nên vợ chồng không có thời gian gần gũi. Anh H bỏ về nhà mẹ ruột sống tháng 6 năm 2021 và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh H không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thụy Thảo Q, sinh ngày 08-3-2019 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh H đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh H không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Phương A yêu cầu được ly hôn anh Trần Nguyên H.

Về con chung: Giao cháu Trần Thụy Thảo Q, sinh ngày 08-3-2019 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Phương A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Nguyên H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh H chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B H H, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và do anh H đi buôn bán xa nhà, vợ chồng không có nhiều thời gian gần gũi nhau. Qua xác minh tại địa phương không thể hiện được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh H. Nhưng chị A và anh H đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh H đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng anh H không đến, cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn với chị A. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh H có một con chung là cháu Trần Thụy Thảo Q, sinh ngày 08-3-2019 hiện đang sống chung với chị A. Nay chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị A và anh H ly thân, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cháu là nữ và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Phương A đối với anh Trần Nguyên H. Chị Bùi Thị Phương A được ly hôn anh Trần Nguyên H.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thụy Thảo Q, sinh ngày 08-3-2019 cho chị Bùi Thị Phương A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị Phương A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026382 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị A, anh H biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường B H H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

